TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST
Ngày: 14-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Đình T, sinh năm 1986, tại Thanh Hóa; HKTT: Ấp 6, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc T1, sinh năm 1934 (đã chết năm 2017) và bà Phạm Thị T2, sinh năm 1956; bị cáo hiện đang sống chung như vợ chồng với Hồ Thị Thúy K (bị cáo trong cùng vụ án); bị cáo không có con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, bản án số 07/2008/HSST ngày 16/5/2008 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt bị cáo Lê Đình T 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" và bản án số 30/2009/HSST ngày 13/4/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên phạt bị cáo Lê Đình T 11 năm tù giam về tội "Cướp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 12 năm 03 tháng tù (hành vi phạm tội "cướp tài sản" theo bản án số 30/2009/HSST ngày 13/4/2009 xảy ra trước hành vi phạm tội "trộm cắp tài sản" theo bản án số 07/2008/HSST ngày 16/5/2008), ngày 02/9/2016 bị cáo T chấp hành xong hình phạt tại Trại giam Tống Lê Chân

nên chưa được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2018 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Hồ Thị Thúy K, sinh năm 1982, tại Bình Phước; HKTT: Ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Ngọc V, sinh năm 1953 (chết năm 1983) và bà Trần Thị T3, sinh năm 1956 (chết năm 2003); chồng đã ly hôn tên Nguyễn Hoàng X, sinh năm 1984; bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 1998 và nhỏ sinh năm 2009); hiện đang sống chung như vợ chồng với Lê Đình T (bị cáo trong cùng vụ án); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2018 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Phạm Thành D, sinh năm 1985; HKTT: Tổ 1, ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị Anh Đ, sinh năm 1979; HKTT: Tổ 5, ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

3. Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1987; HKTT: Tổ 7, ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Vũ Ngọc P, sinh năm 1968; HKTT: Tổ 5, ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1984; HKTT: Tổ 6, ấp 8, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (có mặt).

3. Ông Rơ Lan I, sinh năm 1984; HKTT: Làng N, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Cao M, sinh năm 1984; HKTT: Tổ 5, ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vũ Bá Đ, sinh năm 1982; HKTT: Tổ 3, ấp B, xã TH, huyện H, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1990; HKTT: Tổ 5, ấp 7, xã TH, huyện H, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1980; HKTT: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình T có tiền án về tội cướp tài sản và trộm cắp tài sản. Ngày 02/9/2016, T chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam Tống Lê Chân nhưng không về địa phương sinh sống mà sống lang thang ở khu vực huyện C, tỉnh Bình Phước và sống chung như vợ chồng với K tại nhà trọ thuộc thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do không có nghề nghiệp và muốn có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của người khác bán lấy tiền tiêu xài. T rủ K tham gia và K đồng ý. Để thực hiện được ý định nêu trên, khoảng thời gian từ 04/6/2018 đến 04/7/2018, T và K cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 04/6/2018, T rủ K đi trộm cắp xe mô tô, K đồng ý. T điều khiển xe mô tô hiệu Dream biển số 93B1- 210.84 màu nâu của T chở K đi trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, T và K đến Phòng khám đa khoa khu vực Mi, thuộc xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương thì T phát hiện 01 xe Wave màu đen-bạc, nhãn hiệu Honda, biển số 93B1-130.01 của ông Phạm Thành D, sinh năm 1985, HKTT: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước dựng trong nhà xe của Phòng khám không người trông coi. T nói K điều khiển xe mô tô của mình về trước. T đi bộ lại chỗ để xe, thấy xe khóa cổ nên T dùng chân đạp vào đầu xe để phá khóa và dùng tay giật nối ổ khóa điện trong mặt nạ xe, khởi động xe và lên xe tẩu thoát. Sau đó, T bán xe vừa trộm được cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch tại cửa khẩu Hoa Lư thuộc tỉnh Bình Phước giáp biên giới Việt Nam - Camphuchia được 8.000.000 đồng. T đưa cho K 2.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng giữ lại tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện D kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave alpha, số khung 1215DY432712, số máy C12E-5432841, màu sơn đen-bạc, biển số 93B1-130.01 có trị giá 14.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển số 93B1-130.01 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Thành D. Do tài sản không thu hồi được nên ông D yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 14.000.000 đồng là trị giá tài sản đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện D định giá.

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 27/6/2018, T rủ K đi trộm cắp xe mô tô, K đồng ý. T tiếp tục điều khiển xe mô tô hiệu Dream biển số 93B1-210.84 màu nâu của T chở K đi trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực chợ tạm thuộc ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, T phát hiện 01 xe mô tô hiệu Wave màu trắng-đen-bạc, nhãn hiệu Honda, biển số 61H1-366.61 của Huỳnh Thị Anh Đ, sinh năm 1979, HKTT: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương dựng trên đường bê tông vào chợ không người trông coi, trên xe có sẵn chìa khóa nên T dừng xe và nói K về trước. T đi bộ đến chiếc xe trên, dùng tay mở khóa, khởi động máy và tẩu thoát. T bán xe vừa trộm được cho người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch tại khu vực cửa khẩu Hoa Lư thuộc tỉnh Bình Phước giáp biên giới Việt Nam – Campuchia được số tiền 8.500.000 đồng. Sau đó, T đi xe khách đến thị xã Bình

Long, tỉnh Bình Phước rồi gọi điện cho K chở về phòng trọ. Tại đây, T giữ lại 3.500.000 đồng, còn lại đưa cho K 5.000.000 đồng. K tiêu xài hết 2.500.000 đồng còn lại số tiền 2.500.000 đồng bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D thu giữ.

Bản kết luận định giá tài sản số 11/KLĐG ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện D kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, số khung 3009HY045828, số máy JA39E0045853, dung tích 109cc, màu sơn trắng-đen-bạc, biển số 61H1-366.61 trị giá 14.500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển số 61H1- 366.61 do ông Nguyễn Cao M, sinh năm 1984, HKTT: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương là người đứng tên chủ sở hữu. Ông M cho vợ là bà Huỳnh Thị Anh Đ sử dụng. Do tài sản không thu hồi được, nên ông Nguyễn Cao M và bà Huỳnh Thị Anh Đ yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 14.500.000 đồng là trị giá tài sản đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện D định giá.

Vụ thứ ba: Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 04/7/2018, T tiếp tục rủ K đi trộm cắp xe mô tô, K đồng ý. T chở K bằng xe mô tô hiệu Dream màu nâu biển số 93B1-210.84 của T nhưng gắn biển số giả 81K3-0560 (biển số 93B1-210.84 T để trong cốp xe) chở K đi tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, T chở K đến trước cổng Trường tiểu học M thuộc ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương thì T phát hiện 01 xe mô tô biển số 61H1-282.79 của bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1987, HKTT: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương đang dựng trong sân trường, trên xe có sẵn chìa khóa, không có người trông coi. T dừng xe và nói K đi về trước. T đi bộ vào trong sân trường bật khóa xe, khởi động máy và điều khiển xe tẩu thoát thì bà H phát hiện nên tri hô: "Cướp xe, cướp xe" và đuổi theo T. Cùng lúc này, lực lượng Công an xã M đi tuần tra phát hiện nên truy đuổi T. T điều khiển xe mô tô vừa trộm được đến xã TH, huyện H, tỉnh Bình Phước thì gặp K đang đứng chờ bên đường nên T nói K: "có Công an, chạy đi". T và K chạy được một đoạn thì gặp Công an xã Tân Hiệp đang chốt chặn nên T và K chạy vào đường sỏi đỏ, T bỏ lại xe mô tô biển số 61H1-282.79 vừa trộm được, chạy lại điều khiển xe của T chở K chạy được khoảng 01 km thì cả hai bị bắt quả tang cùng các tang vật như sau:

- 01 xe mô tô Honda, nhãn hiệu Wave màu đen - bạc, biển số 61H1-282.79, số khung 1213DY763241, số máy HC12E5763357;

- 01 xe mô tô loại Dream, nhãn hiệu Boss màu nâu - đen, 01 biển số 93B1-210.84, số khung 10AHAH028276, số máy MSB8AH028276;

- 01 biển số xe mô tô 81K3-0560;

- 01 điện thoại cảm ứng hiệu Samsung, số Imei: 356446/08/879801/7;

- 01 điện thoại cảm ứng Vivo 1801, số Imei: 868993038598378;

- Tiền Việt Nam 16.380.000 đồng;

- 01 chứng minh nhân dân số 285038933 mang tên Hồ Thị Thúy K;

- 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 701143004196 mang tên Hồ Thị Thúy K;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93B1-210.84;

- 01 thẻ bảo hiểm y tế số GD4707022133361 mang tên Hồ Thị Thúy K;

- 01 sổ hộ khẩu số 100171045 chủ hộ Hồ Thị Thúy K.

Bản kết luận định giá tài sản số 10/KLĐG ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện D kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, số khung 1213DY763241, số máy HC12E5763357, dung tích 97cc, màu sơn đen - bạc, biển số 61H1-282.79 trị giá 14.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô Honda, nhãn hiệu Wave màu đen - bạc, biển số 61H1-282.79, số khung 1213DY763241, số máy HC12E-5763357 của Lê Thị Kim H là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 18/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả chiếc xe mô tô trên cho bà H. Hiện, bà H không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Như vậy, tổng trị giá tài sản hai bị cáo T và K chiếm đoạt của các bị hại là 42.500.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 38/CTr-VKSDT-HS ngày 16/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo T và K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với các bị cáo T và K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo K từ 18 tháng tù đến 20 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T và K liên đới bồi thường cho bị hại Đ số tiền 14.500.000 đồng, liên đới bồi thường cho bị hại D số tiền 14.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Đối với 01 xe mô tô Dream màu nâu – đen, biển số 93B1-210.84, số máy VMSB8A-H0280276, số khung RIGSB10AHAH.028276 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93B1-210.84, đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 biển số xe 81K3-0560, đề nghị trả cho Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai để xử lý theo thẩm quyền.

+ Đối với 01 điện thoại cảm ứng hiệu Samsung, số Imei: 356446/08/879801/7; 01 điện thoại cảm ứng Vivo 1801, số Imei: 868993038598378; 01 chứng minh nhân dân số 28503893 mang tên Hồ Thị Thúy K; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 701143004196 mang tên Hồ Thị Thúy K; 01 thẻ bảo hiểm y tế số GD4707022133361; 01 sổ hộ khẩu số 100171045 chủ hộ Hồ Thị Thúy K đề nghị trả lại cho bị cáo K.

+ Đối với số tiền Việt Nam 16.380.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo K đề nghị tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án dân sự cho các bị hại trong vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo T và K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, bị hại D có ý kiến: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K vì hoàn cảnh gia đình khó khăn và do bị cáo T rủ rê, lôi kéo; yêu cầu hai bị cáo bồi thường số tiền 14.000.000 đồng trị giá tài sản bị chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, bị hại Đ có ý kiến: Về hình phạt yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; yêu cầu hai bị cáo bồi thường số tiền 14.500.000 đồng trị giá tài sản bị chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, bị hại H có ý kiến: Về hình phạt yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; tài sản đã nhận lại được nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan M có ý kiến: Yêu cầu hai bị cáo bồi thường cho bị hại Đ số tiền 14.500.000 đồng trị giá tài sản bị chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan N có ý kiến: Xe mô tô Dream màu nâu - đen, biển số 93B1-210.84, số máy VMSB8A-H0280276, số khung RIGSB10AHAH.028276 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93B1-210.84 đứng tên chủ sở hữu ban đầu là ông Vũ Ngọc P, sau đó ông P bán lại cho ông N. Do quen biết nên hai bên không lập giấy tờ mà chỉ giao xe và giấy chứng nhận đăng ký xe. Khoảng tháng 10/2016, ông N đã bán xe lại cho bị cáo T cũng không làm giấy tờ, chỉ giao xe và giao giấy chứng nhận đăng ký cho bị cáo T. Việc xử lý chiếc xe này như thế nào thì tùy Tòa án, ông N không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng, thu thập chứng cứ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình tố tụng, không bị ai khiếu nại gì nên toàn bộ hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hai bị cáo T và K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, trong khoảng thời gian từ ngày 04/6/2018 đến 04/7/2018, hai bị cáo T và K đã sử dụng 01 xe mô tô Dream màu nâu-đen biển số 93B1-210.84 và có gắn thêm 01 biển số giả 81K3-0560 đến địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương lén lút thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: Lúc 10 giờ 00 phút ngày 04/6/2018, hai bị cáo đã trộm cắp tài sản của ông Phạm Thành D 01 xe máy Wave alpha biển số 93B1-130.01 có trị giá 14.000.000 đồng; lúc 08 giờ 00 phút ngày 27/6/2018, hai bị cáo đã trộm cắp tài sản của bà Huỳnh Thị Anh Đ 01 xe máy hiệu Wave biển số 61H1-366.61 có trị giá 14.500.000 đồng và lúc 10 giờ 50 phút ngày 04/7/2018, hai bị cáo đã trộm cắp tài sản của bà Lê Thị Kim H 01 xe máy hiệu Wave biển số 61H1-282.79 có trị giá 14.000.000 đồng thì bị bắt quả tang. Lời khai nhận của hai bị cáo T và K tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định Cáo trạng số 38/CTr-VKSDT-HS ngày 16/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với hai bị cáo T và K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của hai bị cáo T, K tuy đơn giản nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ và làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản hai bị cáo T và K chiếm đoạt đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định có tổng trị giá là 42.500.000 đồng theo các kết luận định giá số 09/KLĐG, số 10/KLĐG và số 11/KLĐG cùng ngày 11/7/2018. Do đó, hai bị cáo T và K bị truy tố và đưa ra xét xử về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định.

[4] Xét động cơ, tính chất, hành vi và mức độ phạm tội trộm cắp tài sản của hai bị cáo thì vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công,

không có tổ chức chặt chẽ cho từng thành viên. Hai bị cáo là kẻ lười lao động nhưng muốn được hưởng thụ trên tài sản hợp pháp do người khác tạo dựng được. Để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo thì cần phải xem xét vai trò cụ thể của mỗi bị cáo khi thực hiện tội phạm:

[4.1] Đối với bị cáo T: Bị cáo có 01 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản với tổng mức án là 12 năm 03 tháng tù giam. Lẽ ra, khi chấp hành hình phạt nêu trên bị cáo đã rút ra được bài học cho bản thân, nhận thức được hậu quả từ hành vi trái pháp luật gây ra cũng như sự nghiêm minh của pháp luật Nhà nước ta nhưng ngược lại bị cáo còn là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo bị cáo K cùng thực hiện phạm tội chiếm đoạt tài sản của người khác nên bị cáo phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo K.

[4.2] Đối với bị cáo K: Bị cáo K là người phụ nữ đã có gia đình, có con, lẽ ra phải là người mẹ mẫu mực làm gương cho con, phải biết can ngăn những hành vi sai trái, vi phạm pháp luật nhưng ngược lại, khi được bị cáo T rủ rê, lôi kéo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị cáo đã đồng ý cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do đó bị cáo bị truy tố và xét xử cùng tội danh trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm với bị cáo T là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu về tài sản trên địa bàn huyện Dầu Tiếng cũng như để hai bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật nên cần phải xử lý thật nghiêm bằng hình phạt tù để có điều kiện giáo dục và cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo K được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là tại phiên tòa bị hại D có yêu cầu giảm nhẹ một phần hình phạt, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với 02 bị cáo là thực hiện phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng, bị cáo T bị áp dụng thêm tình tiết tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với hai bị cáo T và K về phần tội danh, điều khoản truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị hình phạt từ 18 tháng đến 20 tháng tù đối với bị cáo K là quá nghiêm khắc, cần giảm nhẹ

một phần so với mức đề nghị để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Tại phiên tòa, bị hại Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan M yêu cầu hai bị cáo T và K liên đới bồi thường số tiền 14.500.000 đồng là giá trị xe mô tô biển số 93B1-130.01 bị chiếm đoạt không thu hồi được. Hai bị cáo T và K đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8.2] Tại phiên tòa, bị hại D yêu cầu hai bị cáo T và K liên đới bồi thường số tiền 14.000.000 đồng là giá trị xe mô tô biển số 61H1-366.61 bị chiếm đoạt không thu hồi được. Hai bị cáo T và K đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8.3] Tại phiên tòa, bị hại H xác định đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô biển số 61H1-282.79 và không yêu cầu hai bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với 01 xe mô tô Dream màu nâu - đen, biển số 93B1-210.84, số máy VMSB8A-H0280276, số khung RIGSB10AHAH.028276, xe có giấy chứng nhận đăng ký do ông Vũ Ngọc P, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ 5, ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước đứng tên làm chủ. Ông P đã bán lại cho ông Nguyễn Hoàng N. Ông N bán lại cho bị cáo T nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Hai bị cáo T và K sử dụng xe này làm pH tiện thực hiện tội phạm nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9.2] Đối với 01 biển số xe 81K3-0560 là biển số của chủ xe ông Rơ Lan Iu bị mất. Hiện tại ông Rơ Lan I đã được Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp biển số xe mới theo quy định và không yêu cầu nhận lại nên giao cho Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai để xử lý theo thẩm quyền.

[9.3] Đối với số tiền Việt Nam 16.380.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo K, tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[9.4] Đối với 01 điện thoại cảm ứng hiệu Samsung, số Imei: 356446/08/879801/7; 01 điện thoại cảm ứng Vivo 1801, số Imei: 868993038598378; 01 chứng minh nhân dân số 28503893 mang tên Hồ Thị Thúy K; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 701143004196 mang tên Hồ Thị Thúy K; 01 thẻ bảo hiểm y tế số GD4707022133361; 01 sổ hộ khẩu số 100171045 chủ hộ Hồ Thị Thúy K. Xét thấy, đây là tài sản, giấy tờ cá nhân của K không liên quan đến vụ án nên trả cho bị cáo K.

[10] Hai bị cáo T và K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Đình T và Hồ Thị Thúy K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Lê Đình T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2018.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hồ Thị Thúy K 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2018.

II. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584; 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015,

1. Buộc bị cáo Lê Đình T và Hồ Thị Thúy K có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Huỳnh Thị Anh Đ số tiền 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Buộc bị cáo Lê Đình T và Hồ Thị Thúy K có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Phạm Thành D số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Huỳnh Thị Anh Đ và ông Phạm Thành D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hai bị cáo T và K không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng hai bị cáo T và K còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

III. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

1. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 01 xe mô tô loại Dream, nhãn hiệu Boss, màu nâu – đen, số máy MSB8AH028276, số khung 10AAHAH028276, biển số 93B1-210.84 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93B1-210.84 mang tên Vũ Ngọc PH.

2. Trả lại cho bị cáo Hồ Thị Thúy K: 01 điện thoại cảm ứng hiệu Samsung, số Imei: 356446/08/879801/7; 01 điện thoại cảm ứng Vivo 1801, số Imei: 868993038598378; 01 chứng minh nhân dân số 285038933 mang tên Hồ Thị Thúy K; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 701143004196 mang tên Hồ Thị Thúy K; 01 thẻ bảo hiểm y tế số GD4707022133361; 01 sổ hộ khẩu số 100171045 chủ hộ Hồ Thị Thúy K.

3. Giao 01 biển số xe 81K3-0560 cho Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai để xử lý theo thẩm quyền.

Những tài sản, giấy tờ trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/10/2018.

3. Tạm giữ số tiền 16.380.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ trên người của bị cáo Hồ Thị Thúy K để đảm bảo việc thi hành án dân sự cho các bị hại trong vụ án. Số tiền hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương quản lý theo biên lai thu tiền số AA/2013/02292 ngày 10/10/2018.

IV. Án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Án phí hình sự sơ thẩm:

- Bị cáo Lê Đình T phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Hồ Thị Thúy K phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Đình T và Hồ Thị Thúy K phải nộp số tiền 1.425.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

V. Quyền kháng cáo:

1. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 14/11/2018).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT-Công an H. Dầu Tiếng;
- Công an huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- UBND xã T, H.Hớn Quản, T.Bình Phước;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Đồng